TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11- 7- 2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long;

2. Ông Thái Trung Nghĩa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa***: Ông Hồ Văn Phân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2019/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1973 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 173 khóm B, phường K, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Chị Hồ Thị L, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 173 khóm B, phường K, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/01/2019 (BL 16) nguyên đơn Nguyễn Hữu T trình bày:

Vào năm 2005, anh T kết hôn với chị Hồ Thị L và được Ủy ban nhân dân phường K cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/11/2012. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ái D (nữ) sinh ngày 06/9/2007 và Nguyễn Tường D (nữ) sinh ngày 25/11/2011. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, thường tranh chấp cãi vã làm phát sinh mâu thuẫn, không giải tỏa được nên tình cảm ngày càng phai nhạt, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Nay, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Hồ Thị L.

Về con chung: Tùy theo nguyện vọng của con, muốn sống với ai thì người đó nuôi. Nay cả hai con là Nguyễn Ái D (nữ) sinh ngày 06/9/2007 và Nguyễn Tường D (nữ) sinh ngày 25/11/2011 đều có nguyện vọng muốn sống với cha nên anh T xin được tiếp tục nuôi dưỡng hai con đến đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của hai con; anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận phân chia và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chứng cứ do anh T giao nộp là Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, bản sao Sổ hộ khẩu, bản sao Giấy khai sinh của hai cháu Nguyễn Ái D và Nguyễn Tường D.

Đối với bị đơn Hồ Thị L: Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của anh T nhưng chị L không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Đồng thời, chị L cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/02/2019, ngày 04/4/2019. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho chị L và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 25/6/2019, bị đơn chị L vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là Biên bản ghi lời khai của hai cháu Nguyễn Ái D và Nguyễn Tường D; Biên bản xác minh về nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của anh T và chị L (BL 47).

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời

điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đối với bị đơn chị Hồ Thị L, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị L vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L theo quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh T được ly hôn với chị L, giao cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị L không phải cấp dưỡng cho con; không xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung do không có yêu cầu; anh T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: anh T khởi kiện, yêu cầu ly hôn với chị L và yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Yêu cầu của anh T được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Nguyễn Hữu T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 04/4/2019 nên căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn Hồ Thị L đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của hai cháu Nguyễn Ái D và Nguyễn Tường D cũng như việc không phản đối của chị L và kết quả xác minh của Tòa án; đối chiếu với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời

trình bày của anh T về việc kết hôn với chị L được Ủy ban nhân dân phường K, thị xã Vĩnh Châu cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/11/2012 và vợ chồng đã có 02 con chung là sự thật. Vì vậy, giữa anh T và chị L đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường tranh chấp cãi vã làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn thông cảm, tin tưởng lẫn nhau, không còn quan tâm chăm sóc, cùng thực hiện các nhiệm vụ của gia đình để xây dựng gia đình hạnh phúc nữa. Như vậy, anh T và chị L đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho anh T được ly hôn với chị L.

Đối với quyền nuôi con chung: Tại thời điểm xét xử vụ án hai cháu Nguyễn Ái D và Nguyễn Tường D đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng muốn sống với cha và hiện tại đang sống cùng với anh T, được chăm sóc dạy dỗ đầy đủ như vậy anh T đã thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của cha mẹ quy định tại Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình. Mặc khác, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai cháu hai cháu Nguyễn Ái D, Nguyễn Tường D và chị L không có ý kiến phản đối cũng như có yêu cầu gì gửi cho Tòa án nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Ái D (nữ) sinh ngày 06/9/2007 và Nguyễn Tường D (nữ) sinh ngày 25/11/2011 đến đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của hai cháu; đồng thời, ghi nhận ý chí tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con

Nguyên đơn tiếp tục khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh T phải chịu là 300.000 đồng, theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Hữu T được ly hôn với chị Hồ Thị L.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho anh Nguyễn Hữu T được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Ái D (nữ) sinh ngày 06/9/2007 và Nguyễn Tường D (nữ) sinh ngày 25/11/2011 đến đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của hai cháu. Ghi nhận ý chí tự nguyện của anh T, về việc không yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con.

Trong thời gian anh T nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của hai cháu Nguyễn Ái D và Nguyễn Tường D, anh T có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; chị L có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận phân chia và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Hữu T phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004078 ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Hữu T và chị Hồ Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- UBND phường Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VÕ THỊ HIẾU